

UBND XÃ TUẦN GIÁC
TRƯỜNG THCS TUẦN GIÁC

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN/HĐGD TOÁN – LỚP 7
Năm học 2025-2026

Cả năm: 35 tuần = 140 tiết

Học kì I: 18 tuần = 72 tiết (18 tuần x 4 tiết/ tuần)

Học kì II: 17 tuần = 68 tiết (17 tuần x 4 tiết/ tuần)

I. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THEO HỌC KÌ VÀ THEO TUẦN:

<i>Cả năm 140 tiết</i>		<i>Đại số, thống kê xác suất: 80 tiết</i>	<i>Hình học: 60 tiết</i>
Học kì I: Đại số: 26 tiết Thống kê xác suất: 11 tiết Hình học: 30 tiết HĐ trải nghiệm: 5 tiết	4 tiết/tuần 18 tuần = 72 tiết	40 tiết Từ tuần 1 đến 13: 13 x 2 tiết = 26 tiết Tuần 14 x 3 tiết = 3 tiết Tuần 15 x 4 tiết = 4 tiết Tuần 16 x 3 tiết = 3 tiết Tuần 17, 18 x 2 tiết = 4 tiết	32 tiết Từ tuần 1 đến 13: 13 x 2 tiết = 26 tiết Tuần 14 x 1 tiết = 1 tiết Tuần 15 x 0 tiết = 0 tiết Tuần 16 x 1 tiết = 1 tiết Tuần 17, 18 x 2 tiết = 4 tiết
Học kì II: Đại số: 29 tiết Thống kê xác suất: 9 tiết Hình học: 25 tiết HĐ trải nghiệm: 5 tiết	4 tiết/tuần 17 tuần = 68 tiết	40 tiết Từ tuần 19 đến tuần 30: 12 x 2 tiết = 24 tiết Tuần 31,32: 2 x 4 tiết = 8 tiết Tuần 33, 34: 2 x 3 tiết = 6 tiết Tuần 35: 1 x 2 tiết = 2 tiết	28 tiết Từ tuần 19 đến tuần 30: 12 x 2 tiết = 24 tiết Tuần 31,32: 2 x 0 tiết = 0 tiết Tuần 33,34: 2 x 1 tiết = 2 tiết Tuần 35: 1 x 2 tiết = 2 tiết

II. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH:

ĐẠI SỐ, THỐNG KÊ XÁC SUẤT VÀ BIẾN CỐ (80 TIẾT)

Tuần	Tiết theo PPCT	Tên bài	Số tiết	Điều chỉnh
CHƯƠNG I. SỐ HỮU TỈ (14 tiết)				
1	1	§1. Tập hợp Q các số hữu tỉ (T1)	2	
	2	§1. Tập hợp Q các số hữu tỉ (T2)		
2	3	§2. Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ (T1)	2	
	4	§2. Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ (T2)		
3	5	Luyện tập chung (T1)	2	
	6	Luyện tập chung (T2)		
4	7	§3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ (T1)	3	
	8	§3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ (T2)		
5	9	§3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ (T3)		
	10	§4. Thứ tự thực hiện các phép tính. Quy tắc chuyển về (T1)	2	
6	11	§4. Thứ tự thực hiện các phép tính. Quy tắc chuyển về (T2)		

7	12	Luyện tập chung (T1)	2	Kiểm tra thường xuyên (15 phút)
	13	Luyện tập chung (T2)		
	14	Bài tập cuối chương I	1	
CHƯƠNG II. SỐ THỰC (12 tiết)				
8	15	§5. Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn (T1)	1	
	16	Ôn tập giữa học kỳ I	1	
9	17	Kiểm tra giữa HKI	2	
	18			
10	19	§5. Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn (T2)	1	
	20	§6. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học (T1)	2	
11	21	§6. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học (T2)		2
	22	§7. Tập hợp các số thực (T1)		
12	23	§7. Tập hợp các số thực (T2)	2	
	24	Luyện tập chung (T1)		
13	25	Luyện tập chung (T2)	1	
	26	Bài tập cuối chương II		
CHƯƠNG V. THU THẬP VÀ BIỂU DIỄN DỮ LIỆU (11 tiết)				
14	27	§17. Thu thập và phân loại dữ liệu (T1)	2	
	28	§17. Thu thập và phân loại dữ liệu (T2)		
	29	§18. Biểu đồ hình quạt tròn (T1)	3	
15	30	§18. Biểu đồ hình quạt tròn (T2)		
	31	§18. Biểu đồ hình quạt tròn (T3)		
	32	§19. Biểu đồ đoạn thẳng (T1)	3	
16	33	§19. Biểu đồ đoạn thẳng (T2)		
	34	§19. Biểu đồ đoạn thẳng (T3)		
	35	Luyện tập chung	1	
17	36	Ôn tập học kỳ I	1	
	37	Bài tập cuối chương V	1	
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (3 tiết)				
17	38	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam (T1)	3	
18	39	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam (T2)		
	40	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam (T3)		
CHƯƠNG VI. TỈ LỆ THỨC VÀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THỨC (12 tiết)				
19	41	§20. Tỉ lệ thức (T1)	2	
	42	§20. Tỉ lệ thức (T2)		
20	43	§21. Tính chất dãy tỉ số bằng nhau	1	
	44	Luyện tập chung (T1)	2	
21	45	Luyện tập chung (T2)		
	46	§22. Đại lượng tỉ lệ thuận (T1)	2	
22	47	§22. Đại lượng tỉ lệ thuận (T2)		
	48	§23. Đại lượng tỉ lệ nghịch (T1)	2	
23	49	§23. Đại lượng tỉ lệ nghịch (T2)		
	50	Luyện tập chung (T1)	2	

24	51	Luyện tập chung (T2)		
	52	Bài tập cuối chương VI	1	
CHƯƠNG VII. BIỂU THỨC ĐẠI SỐ VÀ ĐA THỨC (17 tiết)				
25	53	§24. Biểu thức đại số	1	
	54	Ôn tập giữa HK2	1	
26	55	§25. Đa thức một biến (T1)	3	
	56	§25. Đa thức một biến (T2)		
27	57	§25. Đa thức một biến (T3)	2	
	58	§26. Cộng trừ đa thức một biến (T1)		
28	59	§26. Cộng trừ đa thức một biến (T2)	2	
	60	Luyện tập chung (T1)		
29	61	Luyện tập chung (T2)	2	Kiểm tra thường xuyên (15 phút)
	62	§27. Nhân đa thức 1 biến (T1)	2	
30	63	§27. Nhân đa thức 1 biến (T2)	1	
	64	Luyện tập chung		
31	65	§28. Phép chia đa thức một biến (T1)	3	
	66	§28. Phép chia đa thức một biến (T2)		
	67	§28. Phép chia đa thức một biến (T3)		
	68	Luyện tập chung	1	
32	69	Bài tập cuối chương VII	1	
CHƯƠNG VIII. LÀM QUEN VỚI BIẾN CỐ VÀ XÁC SUẤT BIẾN CỐ (9 tiết)				
32	70	§29. Làm quen với biến cố (T1)	2	
	71	§29. Làm quen với biến cố (T2)		
	72	§30. Làm quen với xác suất của biến cố (T1)	2	
33	73	§30. Làm quen với xác suất của biến cố (T2)	1	
	75	Luyện tập chung		
	74	Ôn tập cuối HK2	1	
34	78	Bài tập cuối chương VIII	1	
	76	Kiểm tra cuối HK2	2	
	77			
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (2 tiết)				
35	79	Đại lượng tỉ lệ trong đời sống (T1)	2	
	80	Đại lượng tỉ lệ trong đời sống (T2)		

HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (60 TIẾT)

Tuần	Tiết theo PPCT	Tên bài	Số tiết	Điều chỉnh
CHƯƠNG III. GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG (11 tiết)				
1	1	§8. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một	2	



		góc (T1)		
	2	§8. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc (T2)		
2	3	Luyện tập chung	1	
	4	§9. Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết (T1)	2	
3	5	§9. Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết (T2)		
	6	Luyện tập chung	1	
4	7	§10. Tiên đề Euclid. Tính chất hai đường thẳng song song (T1)	2	
	8	§10. Tiên đề Euclid. Tính chất hai đường thẳng song song (T2)		
5	9	§11. Định lý và chứng minh định lý	1	
	10	Luyện tập chung	1	
6	11	Bài tập cuối chương III	1	
CHƯƠNG IV. HAI TAM GIÁC BẰNG NHAU (19 tiết)				
6	12	§12. Tổng các góc trong một tam giác	1	
7	13	§13. Tam giác bằng nhau. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác (T1)	2	
	14	§13. Tam giác bằng nhau. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác (T2)		
8	15	Luyện tập chung	1	
	16	Ôn tập giữa HK I	1	
9	17	§14. Trường hợp bằng nhau thứ hai, thứ ba của tam giác (T1)	3	
	18	§14. Trường hợp bằng nhau thứ hai, thứ ba của tam giác (T2)		
10	19	§14. Trường hợp bằng nhau thứ hai, thứ ba của tam giác (T3)		
	20	Luyện tập chung	1	Kiểm tra thường xuyên (15 phút)
11	21	§15. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông (T1)	2	
	22	§15. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông (T2)		
12	23	§16. Tam giác cân. Đường trung trực của đoạn thẳng (T1)	2	
	24	§16. Tam giác cân. Đường trung trực của đoạn thẳng (T2)		
13	25	Luyện tập chung (T1)		

	26	Luyện tập chung (T2)	2	
14	27	Bài tập cuối chương IV	1	
16	28	Ôn tập cuối học kì I	1	
17	29	Kiểm tra HKI	2	
	30			
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (2 tiết)				
18	31	Vẽ hình đơn giản với phần mềm Geogebra (T1)	2	
	32	Vẽ hình đơn giản với phần mềm Geogebra (T2)		
CHƯƠNG IX. QUAN HỆ GIỮA CÁC YẾU TỐ TRONG TAM GIÁC (16 tiết)				
19	33	§31. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong tam giác (T1)	2	
	34	§31. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong tam giác (T2)		
20	35	§32. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	1	
	36	§33. Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác	1	
21	37	Luyện tập chung (T1)	2	
	38	Luyện tập chung (T2)		
22	39	§34. Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác trong một tam giác (T1)	2	
	40	§34. Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác trong một tam giác (T2)		
23	41	§35. Sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác (T1)	2	
	42	§35. Sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác (T1)		
24	45	Luyện tập chung (T1)	1	
	46	Luyện tập chung (T2)	1	Kiểm tra thường xuyên (15 phút)
25	47	Bài tập cuối chương IX	1	
	48	Ôn tập giữa HK2	1	
26	47	Kiểm tra giữa HK2	2	
	48			
CHƯƠNG X. MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN (9 tiết)				
27	49	§36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (T1)	3	
	50	§36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (T2)		
28	51	§36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (T3)	1	
	52	Luyện tập chung		
29	53	§37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ		

		đứng tứ giác (T1)		
	54	§37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác (T2)	3	
30	55	§37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác (T3)		
	56	Bài tập cuối chương X	1	
33	57	Ôn tập cuối HK2	1	
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (3 tiết)				
34	58	Vòng quay may mắn	1	
35	59	Hộp quà và chân đế lịch để bàn của em	2	
	60			

Tuần Giáo, ngày 20 tháng 8 năm 2025

Kí duyệt của ban giám hiệu

Xác nhận của tổ CM

Nhóm giáo viên xây dựng



Đỗ Thị Mai Hương

[Signature]

Đào Thị Thuý

[Signature]

Vì Thị Diệu

[Signature]

Vũ Tuấn Thanh